

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 220/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/10/2022

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Triệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Mừng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Thư ký TAND huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về “Kiện xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969, có mặt

Trú tại: thôn T-H, xã Đ-H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đắc X, sinh năm 1968, vắng mặt

Trú tại: thôn T-H, xã Đ-H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2022 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông Nguyễn Đắc X có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại UBND xã Đ-N, sau ngày cưới vợ chồng sống tại xã Đ-H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và ông X có quan hệ tình cảm với nhiều phụ nữ khác, ông X bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột ở xã Đ-N sống cách đây hai năm. Nay bà thấy hạnh phúc vợ chồng không còn nên xin Tòa giải quyết cho bà đ-ợc ly hôn với ông X để mỗi ng-ời đ-ợc tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Tại bản tự khai của ông Nguyễn Đắc X trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được hai bên tổ chức lễ cưới. sau ngày cưới vợ chồng sống tại Đ-H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. trong quá trình sinh sống vợ

chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau. Nay bà T xin ly hôn nhưng ông X không đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Bà T và ông X cùng khai vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Đức Thông, sinh ngày 03/4/1995. Hiện nay con chung đã đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông X tự thỏa thuận giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử: thành phần HĐXX phiên tòa sơ thẩm được tiến hành đúng thời gian địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. HĐXX, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 186, 189, 190 BLTTDS 2015.

Người tham gia tố tụng là bị đơn: Ông Nguyễn Đức X sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án đã không thực hiện đầy đủ quyền của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS 2015.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Từ những chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T: cho bà T được ly hôn với ông X

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông X tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa can thiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án thể hiện tại hồ sơ bị đơn ông Nguyễn Đức X đã được Tòa án nhân dân huyện Đ tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/9/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐH-HNGĐ ngày 30/9/2022, xét xử lần hai vào ngày

18/10/2022. Nhưng ông X vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vắng mặt bị đơn ông X theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức X thì thấy ông bà xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại UBND xã Đ-N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp đ- ọc pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông bà khi giải quyết vụ kiện. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T thì thấy sau ngày cưới ông bà chung sống được mười mấy năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Theo bà T nguyên nhân mâu thuẫn là do do hai vợ chồng không hợp nhau, ông X có quan hệ tình cảm với nhiều phụ nữ khác, ông X đã bỏ nhà đi sống nơi khác cách đây hai năm.

Tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm bà T kiên quyết xin đ- ọc ly hôn với ông X. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà được ly hôn với ông X là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Con chung đã trên 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông X tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa can thiệp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 147, 203, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, tuyên xử cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Đức X.

- Về án phí: bà T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003693 ngày 26/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án, ông X có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Hội đồng xét xử

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đ- ơng sự ;
- L- u hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Văn Triệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa